

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

Đào Minh Hằng

Khoa Kế toán tài chính

Email: hangdm@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 04/10/2019

Ngày PB đánh giá: 21/10/2019

Ngày đăng bài: 26/10/2019

TÓM TẮT: Việc đào tạo nguồn nhân lực kế toán- kiểm toán hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, do đó công tác này cần được nghiên cứu đổi mới cho phù hợp. Mục đích của bài viết nhằm khảo sát thực trạng đào tạo kế toán - kiểm toán tại Trường Đại học Hải Phòng trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào kinh tế toàn cầu, trên cơ sở đó có các đánh giá và biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo kế toán - kiểm toán nhằm đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động.

Từ khóa: chất lượng đào tạo, kế toán, kiểm toán.

IMPROVING THE QUALITY OF ACCOUNTING AND AUDITING TRAINING PROGRAMS AT HAI PHONG UNIVERSITY

ABSTRACT: The training of accounting and auditing has not met the market demand, thus this gap needs to be fulfilled and further research needs to be comprehensively conducted. The purpose of this research is to find out the reality of accounting - auditing training at Hai Phong University in the integration period of Vietnam in the global economy. On that basis, the author evaluated and proposed suggestions for improving the program, content and method of accounting and auditing training in order to meet the requirements of the employers.

Keywords: training quality, accounting, auditing.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong kỷ nguyên số hiện nay, kế toán, kiểm toán là lĩnh vực sớm tiếp cận công nghệ thông tin và sử dụng công nghệ

thay thế phần lớn công việc mang tính nghiệp vụ của những người làm kế toán và kiểm toán. Điều đó ảnh hưởng đáng kể tới tính chất công việc và nội dung, cách thức

đào tạo, đòi hỏi kế toán, kiểm toán cũng phải đáp ứng những yêu cầu mới về tính chuyên nghiệp, trách nhiệm xã hội, năng lực chuyên môn, đạo nghề nghiệp. Trong lộ trình hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế, hệ thống kế toán, kiểm toán Việt Nam đã và đang cải cách căn bản, toàn diện trên cơ sở tiếp cận có chọn lọc với thông lệ quốc tế nhằm tạo dựng khuôn khổ pháp lý và ban hành các hệ thống kế toán, kiểm toán và đổi mới việc đào tạo, bồi dưỡng. Tuy nhiên, PGS, TS. Mai Ngọc Anh - Trưởng Khoa Kế toán, Học viện Tài chính đã chỉ ra một số hạn chế khiến lực lượng kiểm toán viên Việt Nam chưa thể đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng: *kiến thức và tư duy của các kiểm toán viên chủ yếu mang tính nghiệp vụ và tuân thủ; tính chủ động, sáng tạo, độc lập về chuyên môn còn hạn chế; tác phong làm việc chưa chuyên nghiệp; chưa sẵn sàng tham gia thị trường lao động khu vực và thế giới* [6]. Và nguyên nhân chính của thực trạng trên bắt nguồn từ những bất cập trong công tác đào tạo kế toán, kiểm toán tại các trường đại học, cao đẳng.

Trường Đại học Hải Phòng chính thức triển khai đào tạo chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán (thuộc ngành Kế toán) từ năm 2007, trải qua 12 năm đào tạo đã có 9 khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường. Trước đó, các học phần chuyên ngành kiểm toán cũng đã được Khoa đưa vào giảng dạy trong chương trình của chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp từ năm 2004. Trong số các sinh viên tốt nghiệp ra trường, có nhiều sinh viên được tuyển dụng đúng chuyên ngành, vào

các doanh nghiệp kiểm toán hoặc làm việc ở vị trí kế toán trên địa bàn Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh,... Tuy nhiên, vẫn có nhiều sinh viên tốt nghiệp vẫn chưa thể đáp ứng ngay yêu cầu của các doanh nghiệp. Mặc dù đã có nhiều cải tiến trong chương trình đào tạo qua từng năm, tuy nhiên công tác đào tạo nguồn nhân lực kế toán nói chung và kiểm toán nói riêng vẫn còn có các hạn chế khách quan và chủ quan cần phải khắc phục.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tác giả áp dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng. Thực hiện nghiên cứu định tính bằng cách phỏng vấn chuyên sâu, quan sát trực tiếp, tìm hiểu thông qua tài liệu để phát triển thang đo chính thức. Nghiên cứu định lượng được thực hiện bằng cách khảo sát thông qua phiếu câu hỏi trực tiếp, thực hiện phân tích dữ liệu với bảng tần số, thống kê mô tả.

Tác giả đã khảo sát đối tượng bao gồm: (1) các sinh viên năm thứ 3, 4 chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán của Trường Đại học Hải Phòng nhằm nhìn nhận thực tế cách thức, nội dung đào tạo hiện nay; (2) cựu sinh viên chuyên ngành này đã tốt nghiệp, đang làm việc tại các vị trí kế toán, kiểm toán của các doanh nghiệp để xác định các khó khăn mà cựu sinh viên còn gặp phải khi làm nghề. Số liệu và thông tin phục vụ đánh giá thực trạng đào tạo kiểm toán, kết quả hoạt động đào tạo thu được thông qua *phỏng vấn trực tiếp và gửi bảng khảo sát* dành cho sinh viên chuyên ngành đến các sinh viên và cựu sinh viên chuyên ngành Kế

toán - Kiểm toán của Trường Đại học Hải Phòng. Các câu hỏi trong phiếu khảo sát là các câu hỏi đóng (định lượng theo thang đo Likert 5 bậc, mô tả thực trạng đào tạo với 5 mức độ từ mức 1- *rất thấp* đến mức 5- *rất cao*) và các câu hỏi mở để người phản hồi đưa ra các ý kiến đề xuất. Nội dung khảo sát bao gồm các vấn đề: (1) *Nội dung chương trình đào tạo Kế toán- kiểm toán đáp ứng nhu cầu người tuyển dụng*; (2) *Tổ chức hoạt động giảng dạy kiểm toán đáp ứng định hướng thực hành*; (3) *Đánh giá về kết quả đào tạo*. Số lượng phiếu phản hồi thu về từ các sinh viên năm thứ 3, 4 đang theo học chuyên ngành Kế toán- kiểm toán tại trường là 106/133 sinh viên, đạt tỷ lệ 79,7%. Đối với các cựu sinh viên đã tốt nghiệp từ năm 2011 đến năm 2018, số lượng sinh viên phản hồi khá thấp (23 người), nguyên nhân là do sinh viên khi ra trường không làm đúng vị trí kế toán, kiểm toán và việc kết nối tới cựu sinh viên cũng bị hạn chế. Tác giả tiến hành xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS 22.0 với kết quả phản hồi nhận được, làm sạch dữ liệu, thực hiện thống kê mô tả để có các đánh giá tổng quát về thực trạng đào tạo kế toán- kiểm toán tại Trường Đại học Hải Phòng.

Tác giả cũng thực hiện phỏng vấn trực tiếp đối với trưởng/phó phòng tài chính; kế toán trưởng; giám đốc/chủ nhiệm kiểm toán tại một số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp kiểm toán ở Hải Phòng về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của các sinh viên kế toán, kiểm toán tốt nghiệp Trường Đại

học Hải Phòng. Trong số các cá nhân được phỏng vấn sâu, có 8 người là thành viên của Ban giám đốc và chủ nhiệm kiểm toán của các công ty kiểm toán đặt chi nhánh tại Hải Phòng (gồm Vaco, An Việt, Nexia STT, UHY) và 5 người là trưởng, phó phòng tài chính - kế toán của 4 doanh nghiệp sản xuất, thương mại quy mô vừa và nhỏ ở Hải Phòng.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Dựa vào các phản hồi hợp lệ thu thập được về 3 nội dung khảo sát đã đề cập ở trên, tác giả thực hiện lọc dữ liệu, xác định các thang đo phù hợp, độ tin cậy để đưa vào thống kê. Kết quả khảo sát như sau:

Về chương trình đào tạo Kế toán- kiểm toán đang áp dụng

Trước hết, việc đào tạo Kế toán - kiểm toán hiện nay vẫn còn có một số môn học có trùng lặp một phần về nội dung khoa học và giáo trình sử dụng chưa thực sự gắn với thực tiễn. Tác giả khẳng định điều này thông qua việc trao đổi trực tiếp với sinh viên đang theo học cũng như dựa trên tìm hiểu về các tài liệu học tập hiện nay. Đây là một hạn chế ngay cả các trường đại học lớn của Việt Nam vẫn còn tồn tại. Mặc dù Việt Nam đã ban hành các chuẩn mực kiểm toán dựa trên cập nhật chuẩn mực quốc tế nhưng hầu hết giáo trình kiểm toán được sử dụng đều được soạn chủ yếu theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính nên hạn chế phần nào đến khả năng suy luận và phát triển kiến thức của sinh viên. Có thể đánh giá cụ thể hơn về chương trình đào tạo qua bảng 1:

Bảng 1: Khảo sát về chương trình đào tạo Kế toán - Kiểm toán gắn lý thuyết với thực tiễn

TT	Biến quan sát	Mean	Std. Deviation
1	CTDT1- Chương trình đào tạo kế toán, kiểm toán có khối lượng kiến thức đại cương phù hợp, là nền tảng cho chuyên ngành	3.16	.684
2	CTDT2- Các học phần trong chương trình đào tạo đã có sự cập nhật các kiến thức kế toán, kiểm toán quốc tế	3.17	.611
3	CTDT3- Chương trình đào tạo có sự phân bổ hợp lý giờ lý thuyết và thực hành nhằm giúp tiếp cận thực tiễn nghề kế toán – kiểm toán	4.03	.727
4	CTDT4 – Việc đào tạo các kỹ năng chuyên môn phục vụ kế toán, kiểm toán (sử dụng máy tính, phần mềm) được chú trọng trong chương trình đào tạo	3.78	.583
5	CTDT5- Chương trình đào tạo có chú trọng giai đoạn thực tập nghề kế toán, kiểm toán và hợp tác với doanh nghiệp	3.53	.690
6	CTDT6- Các học phần có cung cấp kỹ năng mềm phục vụ cho hoạt động kế toán, kiểm toán	3.32	.703

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả xử lý dữ liệu trên SPSS 22.0

Thời lượng của chương trình đào tạo chưa thực sự đủ để sinh viên có thể phát triển kỹ năng kế toán, kiểm toán do sinh viên phải dành thời gian khá nhiều trong năm thứ 1, thứ 2 để học các kiến thức về triết học, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên. *Khối kiến thức chung* còn mang tính lý thuyết, chưa thực sự làm cơ sở cho kiến thức chuyên ngành (có thể nhận thấy vấn đề này trong kết quả khảo sát biến CTDT1, mean N1=3,16), trong khi *khối kiến thức chuyên ngành* lại bị xé lẻ. Các kiến thức đào tạo truyền tải đến cho sinh viên hiện nay mới chỉ dừng lại ở nguyên lý về kế toán, kiểm toán mà chưa có sự kết nối với các kiến thức về kinh tế, tài chính. Điều này làm cho sinh viên bị hạn chế ở việc nhìn nhận,

đánh giá và phân tích thông tin do kế toán và kiểm toán cung cấp. Các doanh nghiệp thì lại muốn tuyển những người có thể làm công việc chuyên môn được ngay để giảm bớt chi phí và thời gian đào tạo. Số lượng sinh viên trong một lớp khá nhiều (40 đến 80 sinh viên/lớp tùy từng thời điểm), trong khi đó chỉ có một giảng viên hướng dẫn nên việc đào tạo kỹ năng làm việc hạn chế.

Việc phân bổ giờ lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo về cơ bản đã đảm bảo (mean CTDT3= 4,03), tuy nhiên tỷ lệ các học phần chuyên ngành trong chương trình có thực hành sử dụng hệ thống máy tính hỗ trợ là chưa cao (mean CTDT4= 3,78). Điều này được tác giả làm rõ hơn trong phần khảo sát về tổ chức hoạt động giảng dạy.

Về việc tiếp cận các kiến thức kế toán, kiểm toán theo chương trình quốc tế, kết quả khảo sát ở biến CTDT2 (các học phần cập nhật kiến thức kế toán, kiểm toán quốc tế) ở mức trung bình. Bên cạnh đó chương trình đào tạo Kế toán- kiểm toán vẫn chưa tính nhiều đến vấn đề hội nhập, ngoại ngữ và kỹ năng mềm của người làm Kế toán - Kiểm toán sau này chưa được chú trọng thích đáng (biến CTDT6). Hiện tại, ở Hải Phòng, chưa có một trường đại học, cao đẳng nào có sự liên kết chính thức với các tổ chức đào tạo quốc tế về kế toán, kiểm toán có uy tín. Nguyên nhân cơ bản là các trường hầu như chưa có đầy đủ kinh phí để thực hiện việc liên kết đào tạo đồng thời sinh viên và giảng viên vẫn chưa có tinh thần cạnh tranh trong học tập, tìm kiếm cơ hội tiếp cận với các hoạt động đào tạo theo chuẩn quốc tế. Điều này một phần có thể do, Hải Phòng vẫn chưa thực sự phát triển mạnh về các công ty cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán, áp lực cạnh tranh trong việc tìm kiếm cơ hội phát triển nghề nghiệp tại các công ty này chưa cao. Hơn

nữa, chưa có một cơ sở đào tạo uy tín theo chuẩn quốc tế đặt chi nhánh, văn phòng tại Hải Phòng, do đó sinh viên và giảng viên đều gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn đào tạo chất lượng cao này. Giảng viên muốn cập nhật kiến thức qua các khóa đào tạo nhưng bị giới hạn về thời gian, khó sắp xếp bố trí công việc do khó khăn về vị trí địa lý.

Kết quả khảo sát về thực tập, thực hành qua biến CTDT5 cho thấy sự phối hợp với các doanh nghiệp để sinh viên đi thực tập tốt nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, thời gian thực tập ít. Sinh viên có được hỗ trợ thực tập kế toán, kiểm toán nhưng không nhiều, phần lớn là Khoa chuyên môn hợp tác với các doanh nghiệp kiểm toán VACO, kiểm toán An Việt, công ty Tân Kế toán trong các năm gần đây hoặc do sinh viên tự thi tuyển thực tập. Tuy nhiên sự chủ động liên hệ thực tập của sinh viên cũng rất ít, ngay cả khi được Khoa hỗ trợ, sinh viên cũng không thể hiện sự nhiệt tình, năng động.

Về tổ chức hoạt động giảng dạy kiểm toán

Bảng 2: Khảo sát về tổ chức hoạt động giảng dạy kiểm toán

TT	Biến quan sát	Mean	Std. Deviation
1	TCGD1 - Giảng viên có kiến thức chuyên môn sâu về kế toán, kiểm toán	4.52	.644
2	TCGD2 - Giảng viên có phương pháp đào tạo phù hợp với chuyên ngành kiểm toán, luôn tạo điều kiện để sinh viên phát huy khả năng	3.85	.944
3	TCGD3 - Các vấn đề về lý thuyết và thực tiễn kế toán, kiểm toán luôn được giảng viên gợi mở, liên hệ	3.81	.745
4	TCGD4 - Hoạt động giảng dạy theo định hướng nghề kiểm toán, sinh viên được thực hành	4.05	.987

TT	Biến quan sát	Mean	Std. Deviation
5	TCGD5 - Sinh viên được tiếp cận đầy đủ với các tài liệu nghiên cứu chuyên sâu về kế toán, kiểm toán (trong nước và quốc tế) tại thư viện trường	3.06	.759
6	TCGD6 - Trường có phòng kế toán ảo hoặc các trang thiết bị phục vụ việc thực hành kế toán, kiểm toán của sinh viên	2.16	.846

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả xử lý dữ liệu trên SPSS 22.0

Khi đánh giá về kiến thức chuyên môn của giảng viên, mean TCGD1 = 4,52, kết quả này phản ánh khá sát thực tế do các giảng viên phụ trách học phần chuyên sâu đều có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đúng chuyên ngành kế toán, kiểm toán.

Về phương pháp đào tạo, giá trị mean TCGD2 = 3,85 và mean TCGD3 = 3,81, kết quả khảo sát đa phần ở mức độ trung bình. Trong các năm qua, mặc dù giảng viên đã có cố gắng trong việc cải tiến phương thức giảng dạy, tuy nhiên do xuất phát từ chính bản thân sinh viên chưa thực sự chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu nên chủ yếu việc đào tạo vẫn theo cách truyền thống là đọc - chép, sinh viên ra trường chậm làm quen với công việc kế toán, kiểm toán. Mặc dù giảng viên có đưa các nội dung kiến thức nhằm gợi mở suy nghĩ, tìm tòi cho sinh viên, làm sinh động cho bài giảng nhưng lượng sinh viên hưởng ứng lại không nhiều. Sinh viên vẫn chưa có điều kiện được thực hành nhiều trong thực tiễn các hoạt động kế toán, kiểm toán, chỉ có một số rất ít sinh viên được tham gia thực tập tại một số công ty kiểm toán. Hơn nữa, việc tiếp cận tự nghiên cứu chuyên sâu cũng khó thực hiện (mean TCGD5 = 3,06) khi nguồn tài liệu của thư viện phần lớn là rất cũ, có những giáo trình

kiểm toán mới nhất cũng xuất bản từ năm 2011, 2012, còn chưa cập nhật theo hệ thống chuẩn mực kiểm toán mới ban hành năm 2012.

Mặc dù sinh viên được khảo sát đều đánh giá hoạt động giảng dạy có hướng tới định hướng thực hành (giá trị mean TCGD4 là 4,01) tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế trong tổ chức thực hành của sinh viên. Nguyên nhân là do cơ sở vật chất và kinh phí của các trường trong khu vực thường quá thiếu (giá trị mean biến TCGD6 chủ yếu ở mức thấp), Trường Đại học Hải Phòng đang trong giai đoạn triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng phòng kế toán ảo, nhưng hệ thống máy móc sử dụng được rất thấp so với tỷ lệ sinh viên. Do đó việc thực hành của sinh viên trong quá trình đào tạo không cao, kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán, máy tính và các phương tiện quản lý khác còn yếu, kỹ năng về phân tích, tổ chức hệ thống thông tin kế toán bằng phương tiện hiện đại còn mơ hồ. Hầu hết sinh viên trả lời học kỹ năng chuyên môn chủ yếu qua lý thuyết, thực hành trên chứng từ, sổ sách thủ công, được thực hành trên hệ thống máy tính hiện đại là rất ít. Một kỹ năng quan trọng của kiểm toán là kỹ năng thực hành kiểm toán báo cáo tài chính thì gần như các sinh viên được khảo sát đều trả lời không nắm được cách thức cũng do điều kiện về cơ sở vật chất rất khó để tiến hành.

Về đánh giá kết quả đào tạo nhân lực kiểm toán

Bảng 3: Kết quả khảo sát về đánh giá về kết quả đào tạo kiểm toán

Biến quan sát	Mean	Std. Deviation
KQ1 - Chương trình đào tạo ngành kế toán, kiểm toán có áp dụng được vào thực tế	3.96	.894
KQ2 - Các kỹ năng chuyên môn của nghề kế toán, kiểm toán (sử dụng phần mềm, máy tính, phân tích, thực hành kiểm toán) thành thạo	3.15	.916
KQ3 - Sinh viên được trang bị tốt về kỹ năng mềm trong hoạt động kế toán, kiểm toán	3.84	.871
KQ4 - Khả năng giao tiếp ngoại ngữ và tìm hiểu tài liệu quốc tế về chuyên ngành kế toán, kiểm toán tốt	3.53	.830
KQ5 - Sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức để hội nhập quốc tế sâu rộng về kế toán, kiểm toán	3.01	.960
KQ6 - Sinh viên sau tốt nghiệp tự tin tham gia tuyển dụng và làm việc tại các vị trí kế toán, kiểm toán của doanh nghiệp	2.78	1.01

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả xử lý dữ liệu trên SPSS 22.0

Đánh giá chương trình đào tạo ngành kiểm toán có áp dụng được vào thực tế không, mean = 3,96 (chủ yếu là mức độ trung bình), điều này khá phù hợp với các nghiên cứu trước đây về thực trạng đào tạo ở Việt Nam nói chung, hầu hết sinh viên được hỏi đều cho rằng đào tạo ngành kiểm toán vẫn còn nặng về kiến thức hàn lâm. Sinh viên tốt nghiệp phần lớn được trang bị khá chắc về lý thuyết kế toán, kiểm toán nhưng lại không được thực hành nhiều nên kỹ năng làm việc còn nhiều hạn chế. Không chỉ là thực hành trên máy về kế toán, kiểm toán, ngay cả chương trình tin học được đào tạo hiện nay cũng không đáp ứng được thực tiễn đòi hỏi kỹ năng Microsoft word và excel, mà vẫn còn thiên về các kiến thức lập trình nhiều hơn. Kết quả này phù hợp với nhận

xét của đội ngũ giám đốc/chủ nhiệm kiểm toán, trưởng/phó phòng tài chính kế toán của các doanh nghiệp được phỏng vấn, đó là sinh viên chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán thường yếu ở các kỹ năng sử dụng các ứng dụng cơ bản như excel trong hạch toán, hay các phần mềm kế toán. Đối với các sinh viên mới tốt nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp kiểm toán, việc trình bày thủ tục, kết quả kiểm toán trên các giấy tờ làm việc bằng excel thường gặp khó khăn. Với các sinh viên kế toán các nhà quản lý được phỏng vấn đã đánh giá các sinh viên gần như chưa có kỹ năng trong việc lập báo cáo tài chính và các báo cáo kế toán khác.

Hoạt động kế toán, kiểm toán tại doanh nghiệp không chỉ quan tâm tới hạch toán đúng chế độ, tuân thủ chuẩn mực kế

toán, kiểm toán mà còn phải tuân thủ pháp luật, chính sách, chế độ liên quan. Các sinh viên mới ra trường phần lớn chưa nắm được các chính sách, quy định liên quan mật thiết đến công tác kế toán, kiểm toán như thuế, bảo hiểm,... và cũng chưa có kinh nghiệm để xử lý sao cho phù hợp với hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả phỏng vấn sâu các nhà quản lý phụ trách kế toán, kiểm toán, tất cả người được hỏi đều cho rằng sinh viên khá lúng túng khi tìm và sử dụng các văn bản pháp lý liên quan đến nghiệp vụ.

Về ngoại ngữ, chủ yếu là tiếng Anh đang trở thành các thách thức với hoạt động đào tạo tại các trường đại học nói chung và Trường Đại học Hải Phòng nói riêng, kết quả khảo sát cho thấy giá trị mean KQ4 = 3,53, phần lớn đều ở mức độ trung bình đến khá. Điều này cũng là một trong các nguyên nhân dẫn tới việc sinh viên khó tiếp cận các kiến thức kế toán, kiểm toán trong tài liệu quốc tế và sinh viên tốt nghiệp không tự tin với việc tham gia tuyển dụng các vị trí kế toán, kiểm toán yêu cầu ngoại ngữ hoặc các doanh nghiệp có vốn nước ngoài. Thực tế cho thấy, khi sinh viên năm thứ 4 trong giai đoạn thực tập tốt nghiệp, khi các doanh nghiệp kiểm toán tuyển dụng vào vị trí thực tập sinh, các sinh viên thường e ngại đăng ký thi tuyển do không đáp ứng về điều kiện ngoại ngữ hoặc nếu có thi tuyển thì kết quả thi ngoại ngữ khá thấp so với kết quả thi nghiệp vụ. Do hạn chế về ngoại ngữ, đây cũng là một trong các lý do sinh viên tốt nghiệp thiếu tự tin trong việc ứng tuyển vào các vị trí kế toán, kiểm toán tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài (mean = 2,78). Bên cạnh đó, các chủ

nhiệm kiểm toán cũng nhận định các chương trình kiểm toán của các doanh nghiệp sử dụng ngôn ngữ viết bằng tiếng Anh cũng là rào cản đối với thực tập sinh và nhân viên mới trong việc tiếp cận.

4. BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

4.1. Về phía khoa chuyên môn, giảng viên chuyên ngành

Từ yêu cầu và thực tế trên, để các sinh viên Kế toán - Kiểm toán của Trường Đại học Hải Phòng có thể đáp ứng được các đòi hỏi về kỹ năng nghề nghiệp, cần đổi mới căn bản chương trình, nội dung và phương thức đào tạo kế toán và kiểm toán.

Về chương trình đào tạo áp dụng, cần đa dạng hơn, linh hoạt hơn cho chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán. Cần tiếp tục rà soát để lược bỏ các học phần trùng lặp về nội dung khoa học, bổ sung các học phần đào tạo chuyên sâu về tin học văn phòng, ngoại ngữ và kỹ năng mềm phục vụ lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Chú trọng đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiệm cận với chuẩn mực kế toán, kiểm toán quốc tế ISA, IAS và IFRS. Tất nhiên việc đổi mới chương trình cần có lộ trình, có thể xây dựng theo các module kiến thức cơ bản như nguyên lý kế toán, lý thuyết kiểm toán, luật kế toán, kiểm toán,... để làm tiền đề, là nền tảng trang bị cho sinh viên các kiến thức chung nhằm tiếp tục học các module chuyên ngành.

Về nội dung, cần phong phú về kiến thức để vừa đảm bảo những kiến thức lý thuyết cơ bản, có tính nguyên lý và khoa học vừa có tính thực tiễn. Khoa học kế toán có tính độc lập và khá hoàn chỉnh cả về nội